

## Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM THI NĂNG KHIẾU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026 (ĐỢT 1), KỲ THI NGÀY 05-07/6/2026  
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM**

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CC/CCCD	Kể chuyện	Đọc diễn cảm	Hát	Tổng điểm	Trung bình chung	Ghi chú
1	VLVH20261002	Y Vang Anh	17/01/2007	Nữ	Xơ Đăng	062307005319	8,50	7,00	7,50	23,00	7,67	
2	VLVH20261006	Lương Ngọc Phương Chi	28/11/2003	Nữ	Kinh	062303000785	8,50	8,00	8,00	24,50	8,17	
3	VLVH20261007	Y Chur	15/09/2007	Nữ	Gia Rai	062307002756	7,00	7,00	7,00	21,00	7,00	
4	VLVH20261010	Luân Thị Diễm	24/02/2004	Nữ	Nùng	062304001044	8,00	7,50	7,00	22,50	7,50	
5	VLVH20261012	Y Dzoach	16/04/1994	Nữ	Rơ Ngao	062194001708	8,00	8,50	9,50	26,00	8,67	
6	VLVH20261013	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	19/02/1997	Nữ	Kinh	062197001222	9,00	8,00	8,00	25,00	8,33	
7	VLVH20261015	Nguyễn Thị Hà	04/01/1999	Nữ	Tày	020199001528	7,00	7,50	7,00	21,50	7,17	
8	VLVH20261016	Lê Thị Thu Hằng	14/08/1993	Nữ	Kinh	052193001507	8,50	7,50	7,50	23,50	7,83	
9	VLVH20261017	Y Hằng	11/07/2007	Nữ	Xơ Đăng	062307006347	8,00	7,00	7,00	22,00	7,33	
10	VLVH20261019	Phạm Thị Thu Hiền	21/09/2004	Nữ	Kinh	062304006421	9,00	8,00	8,00	25,00	8,33	
11	VLVH20261021	Y His	19/08/2001	Nữ	Bahnar	062301005622	8,00	7,00	8,00	23,00	7,67	
12	VLVH20261023	Y Hương	19/01/1997	Nữ	Rơ Ngao	062197004596	8,00	7,00	8,00	23,00	7,67	
13	VLVH20261024	Trần Minh Huyền	05/07/2005	Nữ	Kinh	038305030166	9,00	8,00	7,50	24,50	8,17	
14	VLVH20261025	Y Xù In	07/10/2005	Nữ	Brâu	062305000246	7,50	7,00	7,00	21,50	7,17	
15	VLVH20261026	Y Jem	21/10/2003	Nữ	Bana	062303006074	7,00	7,00	7,50	21,50	7,17	
16	VLVH20261028	Y Lân	25/08/2007	Nữ	Giẻ triêng	062307007716	8,00	7,00	7,50	22,50	7,50	
17	VLVH20261029	Nguyễn Thị Liên	07/09/1992	Nữ	Kinh	036192017823	7,00	7,50	8,00	22,50	7,50	
18	VLVH20261034	Lê Ngọc Muội	16/06/2005	Nữ	Kinh	062305000429	7,00	7,50	7,00	21,50	7,17	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CC/CCCD	Kể chuyên	Độc diễn cảm	Hát	Tổng điểm	Trung bình chung	Ghi chú
19	VLVH20261035	Trần Hà My	02/05/2003	Nữ	Kinh	062303006331	8,00	8,50	8,50	25,00	8,33	
20	VLVH20261037	Y Ngọc	15/08/1999	Nữ	Xơ Đăng	062199005411	8,50	7,50	9,00	25,00	8,33	
21	VLVH20261040	Y Nguồn	07/12/2004	Nữ	Xơ Đăng	062304006575	8,50	7,00	7,50	23,00	7,67	
22	VLVH20261041	Trần Thị Bích Nguyên	10/03/1992	Nữ	Kinh	062192004993	8,50	8,00	8,00	24,50	8,17	
23	VLVH20261042	Y Nguyệt	11/11/2006	Nữ	Xơ Đăng	062306008445	8,50	7,50	7,50	23,50	7,83	
24	VLVH20261045	Trương Hoàng Nhi	16/12/2001	Nữ	Kinh	064301009319	8,50	9,00	8,50	26,00	8,67	
25	VLVH20261046	Bùi Huyền Nhi	04/05/2000	Nữ	Mường	062300003170	8,00	7,50	7,50	23,00	7,67	
26	VLVH20261047	Phạm Thị Yến Nhi	30/11/2005	Nữ	Kinh	062305001140	7,50	8,50	6,50	22,50	7,50	
27	VLVH20261048	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	21/09/2005	Nữ	Kinh	062305001550	7,00	7,00	6,50	20,50	6,83	
28	VLVH20261051	Lương Quỳnh Như	25/07/2004	Nữ	Kinh	062304000345	7,00	7,00	7,00	21,00	7,00	
29	VLVH20261053	Huỳnh Thị Ngọc Nhung	29/05/1998	Nữ	Kinh	052198000388	7,50	7,00	8,00	22,50	7,50	
30	VLVH20261055	Lương Thị Kim Oanh	16/01/2003	Nữ	Thái	062303002472	7,50	7,50	7,00	22,00	7,33	
31	VLVH20261058	Nguyễn Hoàng Mộng Phương	08/09/1997	Nữ	Kinh	062197003470	7,00	8,00	7,50	22,50	7,50	
32	VLVH20261060	Y Li Rus	02/09/2004	Nữ	Rơ Ngao	062304006106	8,00	8,50	8,50	25,00	8,33	
33	VLVH20261061	Nguyễn Thị Tuyết Sen	08/05/2001	Nữ	Kinh	052301009256	7,50	7,00	7,50	22,00	7,33	
34	VLVH20261064	Nguyễn Thị Hoài Thanh	01/01/1999	Nữ	Kinh	062199000063	8,50	7,00	9,00	24,50	8,17	
35	VLVH20261066	Y Giáng Thơ	01/05/2006	Nữ	Xơ Đăng	062306000939	8,50	7,50	7,50	23,50	7,83	
36	VLVH20261069	Trần Ngọc Anh Thư	30/03/2008	Nữ	Kinh	062308001851	9,00	9,00	8,50	26,50	8,83	
37	VLVH20261070	Y Thương	10/09/2005	Nữ	Gié-Triêng	062305004272	7,00	7,50	7,00	21,50	7,17	
38	VLVH20261074	Y Thuyết	20/10/2007	Nữ	Xơ Đăng	062307007000	7,50	7,50	7,50	22,50	7,50	
39	VLVH20261075	Y An Tiên	25/08/2004	Nữ	Xơ Đăng	062304000661	8,50	8,50	8,00	25,00	8,33	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CC/CCCD	Kể chuyện	Đọc diễn cảm	Hát	Tổng điểm	Trung bình chung	Ghi chú
40	VLVH20261076	Nguyễn Thị Duy Tiên	21/09/1997	Nữ	Kinh	062197001326	8,00	7,50	8,00	23,50	7,83	
41	VLVH20261080	Y Trứ	13/06/2000	Nữ	Xơ Đăng	062300000409	8,00	7,00	9,00	24,00	8,00	
42	VLVH20261084	Y Tuyên	07/10/2007	Nữ	Sơ Rá	062307004820	7,00	7,50	8,50	23,00	7,67	
43	VLVH20261089	Y Ly Vân	31/05/2004	Nữ	Dê	062304000519	7,50	7,00	7,50	22,00	7,33	
44	VLVH20261090	Y Vi	30/07/2007	Nữ	Dê	062307005362	7,50	7,50	8,00	23,00	7,67	
45	VLVH20261092	Mông Thị Xuân	07/09/2004	Nữ	Tày	068304008298	8,50	7,50	7,50	23,50	7,83	

Danh sách này có 45 thí sinh./.